

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 11 năm 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tòng Văn Toán

2. Ông Trần Thành Vân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:

Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-TCDS ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định xét xử số: 11/2019/QĐXXX-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người được ủy quyền: Anh Cầm Phúc T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 486, đường L, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Tòng Văn S, sinh năm 1984; Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi liên quan: Tòng Thị N, sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2019, bản tự khai, biên bản hoà giải và quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/02/2017 (âm lịch) anh Phạm Văn H có cho anh Tòng Văn S, trú tại bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La vay số tiền 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) với lãi xuất 1,25% một tháng, việc vay nợ được thực hiện bằng giấy viết tay ngày 30/2/2017 (âm lịch), tức là ngày 27/3/2017 (dương lịch). Anh Phạm Văn H và Tòng Văn S có thỏa thuận, đến ngày 30/12/2017 (âm lịch) tức ngày 14/02/2018 dương lịch anh S sẽ trả đủ cả gốc và lãi. Khi đến hạn trả anh H đã yêu cầu anh S hoàn trả toàn bộ số tiền gốc và lãi như thỏa thuận nhưng anh S không đồng ý trả. Nay anh H yêu cầu Tòa án huyện Sông Mã giải quyết buộc anh Tòng Văn S phải hoàn trả toàn bộ số tiền bao gồm tiền gốc: 99.000.000đ; tiền lãi trong thời hạn 31 tháng là 38.362.500đ. Tổng cộng là 137.362.500đ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Tòng Văn S trình bày:

Anh thừa nhận trước đây anh có vay của anh H số tiền là 93.000.000đ và vay thành nhiều đợt nhưng sau đó đã trả cho anh H tổng số tiền 129.500.000đ (cả gốc và lãi). Nay anh H có đơn yêu cầu anh phải trả số tiền gốc 99.000.000đ và tiền lãi trong thời hạn 31 tháng là 38.362.500đ, tổng cộng là 137.362.500đ. Anh không nhất trí vì trên thực tế anh đã trả hết. Còn đối với giấy vay nợ đề ngày 30/2/2017 anh cho rằng không được vay nên không biết, chữ ký trong giấy vay nợ đó lâu rồi không rõ phải chữ ký của của anh hay không.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Pháp luật và các thủ tục. Việc chấp hành Pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc và lãi xuất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn H có hộ khẩu thường trú tại bản T, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La và bị đơn anh Tòng Văn S có hộ khẩu thường trú tại bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La, do vậy Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đảm bảo theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Phạm Văn H khởi kiện buộc bị đơn anh Tòng Văn S phải trả số tiền đã vay gồm tiền gốc 99.000.000đ; tiền lãi

trong thời hạn 31 tháng là 38.362.500đ. Tổng cộng là 137.362.500đ. Toà án xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 30/02/2017 (âm lịch) anh Phạm Văn H có cho anh Tòng Văn S, trú tại bản N, xã M huyện S, tỉnh Sơn La vay số tiền 99.000.000đ (chín mươi chín triệu đồng) với lãi xuất 1,25% một tháng, việc vay nợ được thực hiện bằng giấy viết tay ngày 30/2/2017 (âm lịch). Anh Phạm Văn H và Tòng Văn S có thỏa thuận là đến ngày 30/12/2017 (âm lịch) sẽ trả đủ cả gốc và lãi. Tuy nhiên anh Tòng Văn S cho rằng anh không được vay khoản này, chữ ký trong giấy khất nợ không phải của anh nên anh không đồng ý trả số nợ cho nguyên đơn.

Ngày 03/6/2019 anh Phạm Văn H có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chữ viết của anh Tòng Văn S trong giấy khất nợ đề ngày 30/02/2017 có đúng chữ ký và chữ viết của anh Tòng Văn S hay không. Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã ra Quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng. Ngày 24/6/2019 Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ quốc phòng có công văn trả lời từ chối việc giám định do các giám định viên không thể tiếp nhận thêm các trưng cầu giám định do phải tập trung vào giám định các vụ việc đã tiếp nhận và đang trong quá trình thực hiện giám định.

Ngày 16/9/2019 anh Phạm Văn H tiếp tục có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chữ viết của anh Tòng Văn S trong giấy khất nợ đề ngày 30/2/2017. Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã ra Quyết định trưng cầu giám định, trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ công an. Tại Kết luận giám định số 381/C09 - P5, ngày 04/11/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: *“Chữ ký, chữ viết đứng tên Tòng Văn S dưới mục: “ người vay” trên mẫu căn giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Tòng Văn S trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký ra, viết ra”*. Như vậy có đủ căn cứ xác định giấy khất nợ đề ngày 30/2/2017 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án do anh Tòng Văn S viết và ký tên. Do đó việc anh Phạm Văn H khởi kiện anh Tòng Văn S buộc anh S phải thanh toán khoản nợ là có cơ sở.

Xét yêu cầu của anh Phạm Văn H buộc bị đơn là anh Tòng Văn S phải hoàn trả số tiền đã vay là 99.000.000đ như trong giấy khất nợ đề ngày 30/02/2017 là phù hợp với quy định của Pháp luật. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Toà án nhận thấy tại giấy khất nợ đề ngày 30/12/2017 có nội dung anh Tòng Văn S cùng vợ là Tòng Thị N cùng khất nợ, nên Toà án xác định chị Tòng Thị N là người có quyền lợi liên quan đến vụ án (tại phiên toà chị N cũng thừa nhận anh S có vay tiền của anh H với mục đích để làm nhà). Việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn là tự nguyện và chủ động, hai bên có xác định thời hạn

vay và lãi xuất cho vay, nhưng khi đến hạn bên cho vay đòi lại tiền thì bên vay không trả như đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ. Đối với việc bị đơn cho rằng đã trả hết nợ nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, nên không có cơ sở để xem xét. Do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về yêu cầu tính lãi xuất của nguyên đơn: Tại phiên toà nguyên đơn đề nghị buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc là 99.000.000đ và lãi phát sinh từ thời điểm vay là ngày 30/2/2017 (âm lịch), tức là ngày 27/3/2017 (dương lịch) đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử với thời gian đề nghị tính lãi là 31 tháng - Cụ thể số tiền lãi là $99.000.000đ \times 1,25\% \times 31 \text{ tháng} = 38.362.500đ$. Tổng số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn cả gốc và lãi là 137.362.500đ. Xét thấy trong giấy vay nợ hai bên nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận mức lãi xuất là 1,25% một tháng, với mức lãi xuất thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và phù hợp với thời gian vay của bị đơn (nếu tính thời gian thực tế thì thời gian phải trả lãi là 31 tháng 27 ngày) - Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi liên quan thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay và lãi phát sinh.

[3]. Về các chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký là 10.050.000đ (mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H đối với anh Tòng Văn S.

2. Buộc bị đơn anh Tòng Văn S và người có quyền lợi liên quan Tòng Thị N phải trả cho nguyên đơn anh Phạm Văn H số tiền 137.362.500đ (một trăm ba mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn anh Tòng Văn S phải hoàn trả cho nguyên đơn anh Phạm Văn H số tiền chi phí giám định là 10.050.000đ (mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí: Bị đơn anh Tòng Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.868.000đ (sáu triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn Phạm Văn H số tiền 3.200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002301 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/11/2019).

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát Sông Mã;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn

